**BẢN TỔNG HỢP Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÁC CƠ QUAN**

**VỀ ĐỀ XUẤT LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT ĐẦU TƯ, LUẬT DOANH NGHIỆP**

| **TT** | **LUẬT** | **ĐIỀU KHOẢN** | **NỘI DUNG GÓP Ý** | **CQ ĐỀ XUẤT** | **GIẢI TRÌNH TIẾP THU** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | **Luật Đầu tư** | | | |  |
|  |  | Khoản 18 Điều 3 | Quy định chi tiết hơn về vốn đầu tư của dự án.  *Lý do:*  Khoản 18 Điều 3 Luật Đầu tư quy định “vốn đầu tư là tiền và tài sản khác để thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh”.  Khoản 15 Điều 2 Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư quy định “Vốn đầu tư của dự án là vốn góp của nhà đầu tư và vốn do nhà đầu tư huy động để thực hiện dự án đầu tư được ghi tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư”.  Mẫu số I.2 Mục 5.1 ban hành kèm theo Thông tư số 16/2015/TT-BKHĐT ngày 18/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện thủ tục đầu tư và báo cáo hoạt động đầu tư tại Việt Nam hướng dẫn kê khai Tổng vốn đầu tư bao gồm vốn cố định (chi phí bồi thường, hỗ trợ tái định cư; chi phí thuê đất, mặt nước; chi phí xây dựng công trình; chi phí máy móc, thiết bị, công nghệ, thương hiệu; chi phí khác hình thành tài sản cố định; chi phí dự phòng) và vốn lưu động.  Theo các quy định nêu trên thì “vốn đầu tư” là toàn bộ phần vốn để thực hiện dự án đầu tư, bao gồm cả vốn cố định và vốn lưu động.  Như vậy, “vốn lưu động” cũng được tính vào vốn đầu tư của dự án là chưa hợp lý vì vốn đầu tư là căn cứ để xác định ưu đãi đầu tư cho dự án và căn cứ để xác định số tiền ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án nên vốn đầu tư phải là vốn thực tế thực hiện dự án (không bao gồm vốn lưu động). | Bộ KH&CN | Tiếp thu ý kiến. Tuy nhiên, các kiến nghị liên quan đến nội dung quy định tại các văn bản quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư. Do đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ tiếp thu trong quá trình sửa đổi các văn bản này. |
|  |  |  | Quy định rõ mối quan hệ giữa “vốn đầu tư” và “vốn điều lệ”  Lý do: vốn điều lệ của doanh nghiệp có phải là một bộ phận của vốn đầu tư hay không dẫn đến khó khăn cho các doanh nghiệp FDI khi chuyển vốn đầu tư từ nước ngoài vào Việt Nam để tăng vốn điều lệ. Trường hợp này, không rõ doanh nghiệp có phải đăng ký và chuyển vốn qua tài khoản vốn đầu tư trực tiếp hay không. | NHNN | “Vốn đầu tư” và “vốn điều lệ” là các khái niệm nội hàm, bản chất, mục đích khác nhau và đã được làm rõ tại Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư |
|  |  |  | Đề nghị bổ sung quy định giải thích tại Điều 3 Luật Đầu tư như sau:  - Đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam là việc nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn đầu tư và tham gia quản lý hoạt động đầu tư đó tại Việt Nam, được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại Luật này.  - Đầu tư gián tiếp nước ngoài vào Việt Nam là hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam không thuộc đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam quy định tại Luật này.  Lý do:  Luật đầu tư 2014 không có khái niệm “đầu tư trực tiếp nước ngoài” và “đầu tư gián tiếp nước ngoài” gây khó khăn bất cập như sau:  - Không phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế của IMF và OECD, theo các tổ chức này, các dòng vốn đầu tư nước ngoài vào, ra khỏi lãnh thổ một nước được phân chia thành 2 loại hình “đầu tư trực tiếp nước ngoài” và “đầu tư gián tiếp nước ngoài”.  - Xét về tính chất, vốn “đầu tư trực tiếp nước ngoài” là dòng vốn có tính ổn định, bền vững, còn vốn “đầu tư gián tiếp nước ngoài” có tính linh hoạt cao, dễ đảo chiều, tiềm ẩn nhiều rủi ro, có thể gây ảnh hưởng đến thị trường tài chính, tiền tệ và ngoại hối. Do đó, cần phân chia thành 2 loại hình đầu tư như trên là cơ sở quan trọng để đưa ra các phương pháp quản lý phù hợp với đặc tính của các dòng vốn nhằm thu hút và sử dụng hiệu quả dòng vốn FDI và giám sát chặt chẽ dòng vốn đầu tư gián tiếp.  - Trong điều kiện của Việt Nam chưa thể thực hiện tự do hóa các giao dịch vốn; việc quy định, phân tách các dòng vốn đầu tư thành trực tiếp và gián tiếp là cơ sở pháp lý quan trọng để xây dựng các quy định về quản lý ngoại hối đối với từng loại hình đầu tư.  - Ngoài ra, hiện nay, theo quy định tại Nghị định 16/2014/NĐ-CP của Chính phủ về cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam, các dòng vốn đầu tư cũng được phân loại thành đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp; nếu không sử dụng khái niệm và phân loại này sẽ không có cơ sở để lập Cán cân thanh toán quốc tế và Vị thế đầu tư quốc tế của Việt Nam. | NHNN | Luật Đầu tư năm 2014 quy định khung chính sách chung về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam. Khái niệm đầu tư tại Luật bao gồm cả đầu tư gián tiếp, đồng thời phân định rõ hoạt động đầu tư thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật này và hoạt động đầu tư chứng khoán theo Luật chứng khoán.  Với việc phân định rõ phạm vi điều chỉnh nêu trên, Luật này không nhất thiết phải quy định rõ khái niệm đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.  Hiện nay, khái niệm đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp đã được quy định trong Pháp lệnh ngoại hối trên cơ sở kế thừa quy định tương ứng của Luật Đầu tư. Do vậy, quy định của Pháp lệnh ngoại hối về vấn đề này đã hoàn toàn đáp ứng yêu cầu quản lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam mà không nhất thiết phải tiếp tục duy trì các khái niệm này trong Luật Đầu tư để tránh chồng chéo. |
|  |  | Điều 4 | Đề nghị bổ sung nguyên tắc quản lý ngoại hối trong hoạt động đầu tư: Đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam và của nhà đầu tư Việt Nam ra nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối để phù hợp với Pháp lệnh Ngoại hối sửa đổi năm 2013 | NHNN | Khoản 2 Điều 4 Luật Đầu tư đã phân định rõ nguyên tắc như đề nghị của NHNN. |
|  |  | Điều 10 | Đề nghị chỉnh sửa khoản 2 Điều 10 Luật đầu tư theo hướng thu hẹp đối tượng, phạm vi bảo đảm nhu cầu ngoại tệ cho các dự án đầu tư theo hướng: “*Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chính sách quản lý ngoại hối và khả năng cân đối ngoại tệ trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bảo đảm nhu cầu ngoại tệ với tỷ lệ thích hợp đối với dự án đặc biệt quan trọng, thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội*”.  Lý do:  (i) Khoản 2 Điều 16 Luật đầu tư 2005 quy định: “*Chính phủ bảo đảm cân đối hoặc hỗ trợ cân đối ngoại tệ đối với một số dự án quan trọng trong lĩnh vực năng lượng, kết cấu hạ tầng giao thông, xử lý chất thải*”. Theo đó, Chính phủ bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ cho một số dự án quan trọng trong 3 lĩnh vực: năng lượng, kết cấu hạ tầng giao thông và xử lý chất thải. Luật đầu tư 2014 quy định mở rộng đối tượng được bảo đảm nhu cầu ngoại tệ: “... Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bảo đảm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ *đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và những dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng khác”*. Như vậy, Luật đầu tư 2014 ngày càng mở rộng lĩnh vực được Chính phủ bảo đảm nhu cầu ngoại tệ.  (ii) Thực tế triển khai, Chính phủ đã cấp bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ cho các dự án BOT nhiệt điện có nhà đầu tư nước ngoài tham gia làm chủ đầu tư và một số dự án đặc biệt quan trọng khác (dự án Lọc hóa dầu, dự án khai thác khí,...). Đến nay, nhu cầu chuyển đổi ngoại tệ của các dự án đã được Chính phủ ký bảo lãnh là vào khoảng 10 tỷ USD/năm. Nếu tính thêm các dự án BOT điện sẽ được bảo lãnh trong thời gian tới thì nhu cầu chuyển đổi ngoại tệ lên đến 13 tỷ USD/năm. Bên cạnh đó, Dự trữ ngoại hối nhà nước còn được sử dụng để đáp ứng cho các nhu cầu đột xuất cấp bách của Nhà nước và quốc phòng an ninh theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.  (iii) Hiện nay, mặc dù Dự trữ ngoại hối nhà nước trong thời gian gần đây đã được cải thiện nhưng việc tăng quy mô dự trữ ngoại hối hàng năm chưa thực sự vững chắc, còn phụ thuộc nhiều yếu tố và đến nay chưa đạt mức tối thiểu 12 tuần nhập khẩu theo thông lệ quốc tế. Nếu tiếp tục quy định đối tượng, phạm vi được xem xét bảo đảm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ rộng như tại Luật đầu tư 2014 sẽ vượt quá khả năng của dự trữ ngoại hối nhà nước. Vì vậy, tại công văn số 1272/VPCP-KTTH ngày 23/6/2016 về việc rà soát các dự án thuộc đối tượng cân đối ngoại tệ, Thủ tướng Chính phủ đã có ý kiến chỉ đạo: *Giao Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan theo dõi, dự báo quy mô dự trữ ngoại hối Nhà nước trong các năm tới và khả năng cung ứng ngoại tệ của hệ thống các tổ chức tín dụng để xem xet, đề xuất với Thủ tướng Chính phủ tỷ lệ hỗ trợ chuyển đổi ngoại tệ phù hợp đối với từng trường hợp cụ thể theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm an toàn dự trữ ngoại hối Nhà nước.*  (iv) Ngoài ra, pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối đã quy định về cơ chế, chính sách hỗ trợ chuyển đổi ngoại tệ bình đẳng, minh bạch cho các nhà đầu tư về quyền mua ngoại tệ tại các TCTD để chuyển ra nước ngoài đối với vốn, lợi nhuận và các nguồn thu hợp pháp bằng đồng Việt Nam từ hoạt động đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài. NHNN đã ban hành Thông tư 15/2015/TT-NHNN ngày 02/10/2015 hướng dẫn giao dịch ngoại tệ trên thị trường ngoại tệ của các TCTD được phép hoạt động ngoại hối. *Trong trường hợp cần thiết, khi thị trường không đáp ứng được nhu cầu ngoại tệ hợp pháp, Ngân hàng Nhà nước thực hiện can thiệp thị trường ngoại tệ; việc bán ngoại tệ can thiệp được thực hiện thông qua các TCTD được phép hoạt động ngoại hối.* Do đó, Chính phủ không nên cam kết bảo lãnh chuyển đổi ngoại tệ cho từng dự án mà để thị trường đáp ứng và NHNN sẽ chủ động can thiệp khi cần thiết (khi cung cầu ngoại tệ trên thị trường mất cân đối) theo cơ chế ngoại hối nêu trên. | NHNN | Khoản 2 Điều 10 Luật Đầu tư quy định: “Căn cứ định hướng phát triển kinh tế - xã hội, chính sách quản lý ngoại hối và khả năng cân đối ngoại tệ trong từng thời kỳ, Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bảo đảm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và những dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng khác.”  Quy định nêu trên đã đáp ứng yêu cầu của NHNN; theo đó, việc bảo đảm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ chỉ áp dụng đối với một số dự án theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở khả năng cân đối ngoại tệ và định hướng phát triển - kinh tế xã hội từng thời kỳ; không áp dụng đối với mọi dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ và những dự án đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng quan trọng khác. |
|  |  | Khoản 1 Điều 16 | Bổ sung “Đào tạo nhân lực công nghệ cao” vào Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.  *Lý do:*  Theo quy định tại Điều 16 Luật Đầu tư (Ngành, nghề ưu đãi đầu tư và địa bàn ưu đãi đầu tư) thì “hoạt động công nghệ cao” là ngành, nghề ưu đãi đầu tư.  Khoản 2 Điều 3 Luật Công nghệ cao “Hoạt động công nghệ cao là hoạt động nghiên cứu, phát triển, tìm kiếm, chuyển giao, ứng dụng công nghệ cao; đào tạo nhân lực công nghệ cao; ươm tạo công nghệ cao, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao; sản xuất sản phẩm, cung ứng dịch vụ công nghệ cao; phát triển công nghiệp công nghệ cao”.  Định hướng phát triển các Khu công nghệ cao tại Việt Nam hiện nay xác định hoạt động nghiên cứu, phát triển và hoạt động đào tạo nhân lực công nghệ cao là hai hoạt động cốt lõi, góp phần tạo nên sự thành công của các Khu công nghệ cao. Do vậy, hoạt động “đào tạo nhân lực công nghệ cao” cần phải được bổ sung vào Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. | Bộ KH&CN | Tiếp thu theo hướng bổ sung “Đào tạo nhân lực công nghệ cao” vào Danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư ban hành kèm theo Nghị định 118/2015/NĐ-CP. |
|  |  | Điều 22 | - Bổ sung quy định “Nhà đầu tư trong nước thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án sau khi được cấp Quyết định chủ trương đầu tư” vì khoản 1 Điều 22 Luật Đầu tư chỉ quy định việc thành lập tổ chức kinh tế thực hiện dự án đối với Nhà đầu tư nước ngoài. | Bộ KH&CN | Không tiếp thu vì Điều 22 chỉ áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài. |
|  |  |  | - Sửa đổi Điều 22 theo hướng quy định thống nhất giữa Luật Đầu tư và Luật Doanh nghiệp về quy trình thủ tục đăng ký/đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; quy định về khái niệm, thời hạn góp vốn, trình tự thủ tục tăng giảm vốn đầu tư và vốn điều lệ,… nhằm tháo gỡ vướng mắc cho nhà đầu tư nước ngoài trong trường hợp chuyển vốn từ nước ngoài vào Việt Nam vừa là vốn góp điều lệ để thành lập doanh nghiệp, vừa là vốn góp đầu tư để thực hiện dự án | NHNN | Nghiên cứu tiếp thu trong quá trình sửa đổi các Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp |
|  |  | Điều 33 | Bổ sung “giải trình về sử dụng công nghệ” vào thành phần hồ sơ dự án đầu tư đối với dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao.  *Lý do:*  Hiện nay, khi lập hồ sơ xin cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, chỉ các dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ mới phải giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án. Trong khi thực tế, các dự án đầu tư đầu tư vào Khu Công nghệ cao phải được xem xét, đánh giá về công nghệ, sản phẩm, nếu phù hợp với Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển, Danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển ban hành kèm theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ (Quyết định số 66/2014/QĐ-TTg và Quyết định số 13/2017/QĐ-TTg) mới được cấp Quyết định chủ trương đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư để thực hiện dự án tại Khu.  Vì vậy, đề nghị sửa đổi điểm e khoản 1 Điều 33 Luật Đầu tư theo hướng cả dự án có sử dụng công nghệ thuộc Danh mục công nghệ hạn chế chuyển giao và dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao đều phải giải trình về sử dụng công nghệ đối với dự án, tạo cơ sở pháp lý đầy đủ và chặt chẽ trong công tác thẩm định các dự án đầu tư vào Khu công nghệ cao. | Bộ KH&CN | Tiếp thu ý kiến |
|  |  |  | Bổ sung quy định lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước về công nghệ đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.  *Lý do:*  Khoản 2 Điều 13 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định:  *“ 2. Trong giai đoạn quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, dự án đầu tư sau đây phải được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ:*  *a) Dự án đầu tư sử dụng công nghệ hạn chế chuyển giao;*  *b) Dự án đầu tư có nguy cơ tác động xấu đến môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có sử dụng công nghệ.”*  Đồng thời, các điều từ Điều 14 đến Điều 20 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định về nội dung giải trình về sử dụng công nghệ trong hồ sơ dự án đầu tư, thẩm quyền, nội dung thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ, trình tự, thủ tục thẩm định hoặc có ý kiến về công nghệ dự án đầu tư.  Với mục tiêu bảo đảm tính minh bạch, khả thi và thống nhất của hệ thống pháp luật về đầu tư với các luật liên quan, đồng thời để bảo đảm kiểm soát, ngăn ngừa công nghệ lạc hậu nhập khẩu vào Việt Nam ngay từ đầu vào, đề nghị Quý Bộ bổ sung xây dựng nội dung quy định đối với các dự án đầu tư nêu trên phải được thẩm định hoặc lấy ý kiến về công nghệ theo quy định của Luật Chuyển giao công nghệ. | Bộ KH&CN | Tiếp thu ý kiến |
|  |  | Điều 42 | Bổ sung quy định về ký quỹ đối với dự án đầu tư kinh doanh sử dụng vốn ngân sách nhà nước.  *Lý do:*  Theo quy định tại Điều 42 Luật Đầu tư, Điều 58 Luật Đất đai, Điều 14 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, hiện các dự án nhằm mục đích kinh doanh có sử dụng vốn từ ngân sách nhà nước không phải ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án.  Thực tế, có rất nhiều dự án có sử dụng vốn ngân sách nhưng tỷ trọng rất nhỏ so với tổng vốn đầu tư của dự án, khả năng tự quyết định tiến độ đầu tư và thực hiện đầu tư cũng linh hoạt hơn nhiều so với các dự án sử dụng 100% vốn ngân sách nên việc quy định như trên chưa thật sự hợp lý, đồng thời khó có thể đạt mục tiêu bảo đảm dự án được triển khai đúng tiến độ đối với các dự án này.  Do vậy, dự thảo Luật cần sửa đổi quy định về dự án thuộc diện ký quỹ. Theo đó, chỉ các dự án sử dụng 100% vốn ngân sách mới không phải ký quỹ bảo đảm thực hiện dự án. | Bộ KH&CN | Tiếp thu theo hướng bổ sung quy định tại Nghị định 118/2016/NĐ-CP quy định về việc loại trừ nghĩa vụ ký quỹ đối với dự án đầu tư kinh doanh sử dụng 100% vốn ngân sách nhà nước. |
|  |  | Điều 49 và 50 | Bổ sung quy định về việc thành lập, chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư trong nước trong hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) đối với nhà đầu tư trong nước vì Điều 49, 50 Luật Đầu tư chỉ quy định việc thành lập, chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của Nhà đầu tư nước ngoài. | Bộ KH&CN | Không tiếp thu vì Luật Đầu tư chỉ cho phép nhà đầu tư nước ngoài lập Văn phòng điều hành. Nhà đầu tư trong nước trực tiếp thực hiện các hoạt động liên quan đến BCC mà không thành lập Văn phòng điều hành. |
|  |  | Điều 58, 59, 60 và 61 | Bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài để thay thế bằng cơ chế đăng ký chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. | Bộ Quốc phòng | Tiếp thu ý kiến |
|  |  |  | Đề nghị tiếp tục giao Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan cấp Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài. Để quản lý hiệu quả hơn dòng vốn này, dự thảo Luật cần nghiên cứu chính sách đầu tư ra nước ngoài theo địa bàn, đối tác căn cứ trên mức độ phù hợp với các ưu tiên chính sách của Chính phủ, theo đó hỗ trợ đầu tư ra nước ngoài trong lĩnh vực trọng điểm, thế mạnh sức cạnh tranh tốt quản trị điều hành; thu hẹp các dự án đầu tư ở nước ngoài không đem lại hiệu quả kinh tế cao...  Việc bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và thay bằng cơ chế đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối không khả thi vì các lý do sau:  (i) Quản lý đầu tư trực tiếp của Việt Nam ra nước ngoài là vấn đề lớn và quan trọng, cần phải được các cơ quan quản lý nhà nước quan tâm, chấn chỉnh kịp thời nhằm đảm bảo việc đầu tư trực tiếp ra nước ngoài phải đúng mục đích, có hiệu quả thật sự; hạn chế thấp nhất việc lãng phí và thất thoát nguồn ngoại tệ của nền kinh tế.  (ii) bối cảnh nền kinh tế Việt Nam còn nhiều khó khăn, tăng trưởng kinh tế chưa thực sự ổn định, dự trữ ngoại hối nhà nước còn mỏng, nợ nước ngoài của quốc gia còn chiếm tỷ trọng cao so với tổng sản phẩm quốc nội (gánh nặng nợ nước ngoài cao), nguồn ngoại tệ duy trì phát triển kinh tế trong nước còn hạn hẹp như hiện nay.  (iii) Định hướng về tự do hóa tài khoản vốn tại Chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam, Đề án “Định hướng lộ trình tự do hóa giao dịch vốn của Việt Nam” đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1590/QĐ-TTg ngày 11/8/2016, các Đề án phát triển thị trường vốn, Đề án phát triển ngành ngân hàng đều cho thấy việc tự do hóa các dòng vốn cần có lộ trình phù hợp với lộ trình tự do hóa thị trường tài chính, thích hợp với điều kiện kinh tế xã hội từng thời kỳ, có biện pháp ứng phó, rào cản kỹ thuật khi dòng vốn đảo chiều và việc nới lỏng, tiến dần đến tự do hóa các luồng vốn ra là khâu cuối trong lộ trình tự do hóa tài khoản vốn. Do vậy, việc quy định cơ chế mở cửa, thông thoáng đối với đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo dự thảo Đề cương Luật sửa đổi chưa phù hợp với định hướng nêu trên.  (iv) Theo cam kết của Việt Nam tại GATS, một thành viên của WTO không được áp dụng những hạn chế đối với việc chuyển  tiền quốc tế và thanh toán các giao dịch vãng lai trừ trường hợp quy định tại Điều XII của GATS (một Thành viên có thể thông qua hoặc duy trì các hạn chế về thương mại dịch vụ trong  những lĩnh vực đã cam kết cụ thể, bao gồm cả việc thanh toán hoặc chuyển  tiền trong các giao dịch liên quan đến các cam kết cụ thể đó khi gặp những khó khăn về cán cân thanh toán quốc tế). Do vậy, trong điều kiện cán cân thanh toán quốc tế của Việt Nam thường xuyên thâm hụt, Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì một số hạn chế nhất định, không nhất thiết phải tự do hóa toàn bộ các giao dịch đầu tư trực tiếp ra nước ngoài như quy định tại dự thảo Đề cương Luật sửa đổi.  (v) Theo quy định tại Luật đầu tư, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thay mặt Chính phủ quản lý nhà nước đối với hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt Nam và từ Việt Nam ra nước ngoài. Do đó, khi đề xuất bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cần có giải pháp thực hiện chức năng, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Bộ theo quy định.  (vi) Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối (NHNN) không có cơ sở để xác nhận đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư dự án ở nước ngoài khi các dự án này không được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm tra, thẩm định và cấp phép đầu tư.  (vii) Ngoài ra, việc bãi bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và chỉ đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối sẽ dẫn đến các khó khăn:  - Khó kiểm soát được tình trạng chảy máu ngoại tệ, sử dụng vốn đầu tư ở nước ngoài sai mục đích (ví dụ: dùng ngoại tệ chuyển ra để mua bất động sản, đầu tư để định cư ở nước ngoài,…).  - Khó thu thập, thống kê đầy đủ dòng vốn đầu tư ra nước ngoài vì ngoài hình thức đầu tư bằng tiền, vốn đầu tư còn thể hiện dưới nhiều hình thức khác như: vốn bằng máy móc, thiết bị, hàng hóa, quyền sở hữu trí tuệ….(các nội dung này không thuộc phạm vi chức năng của cơ quan quản lý ngoại hối). | NHNN | Tiếp thu ý kiến theo hướng xin ý kiến Chính phủ về cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài theo 2 phương án:  - Phương án 1: đổi mới cơ chế quản lý hoạt động đầu tư ra nước ngoài theo hướng bỏ thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài và thay bằng cơ chế đăng ký hoạt động chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài tại Cơ quan nhà nước quản lý ngoại hối.  - Phương án 2: Tiếp tục duy trì thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài. |
|  |  | Điều 63 và 66 | Đề nghị quy định thống nhất việc đăng ký tài khoản cũng như các giao dịch chuyển tiền tại các Điều này  Lý do:  - Điều 63 Luật đầu tư quy định giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài (bao gồm cả chuyển tiền ra và chuyển tiền vào Việt Nam) phải thực hiện thông qua tài khoản vốn riêng mở tại TCTD được phép và phải đăng ký tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  - Khoản 2 Điều 66 Luật đầu tư quy định trường hợp sử dụng lợi nhuận thu được từ dự án đầu tư để thực hiện dự án đầu tư khác phải đăng ký tài khoản vốn, tiến độ chuyển vốn đầu tư bằng tiền với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.  Về bản chất, 02 tài khoản quy định tại Điều 63 và khoản 2 Điều 66 là giống nhau. | NHNN | Tiếp thu ý kiến, sửa đổi cụ thể trong quá trình sửa đổi, hoàn thiện Dự án Luật. |
|  |  | Điều 69 | Bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan quản lý chuyên ngành trong giám sát về công nghệ và chuyển giao công nghệ.  *Lý do:*  Khoản 2 Điều 21 Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017 quy định “Cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành để kiểm tra, giám sát công nghệ trong dự án đầu tư cùng với việc kiểm tra, giám sát đầu tư theo quy định của pháp luật”. Điều 69 Luật Đầu tư quy định về “Giám sát, đánh giá đầu tư” và Nghị định số 84/2015/NĐ-CP ngày 30/9/2015 của Chính phủ về giám sát và đánh giá đầu tư.  Tuy nhiên, nội dung giám sát, đánh giá đầu tư theo Luật Đầu tư và theo Nghị định số 84/2015/NĐ-CP cũng chưa quy định rõ về trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành, nội dung giám sát (thông qua theo dõi và kiểm tra) về công nghệ sử dụng và chuyển giao công nghệ trong giai đoạn triển khai thực hiện dự án (nhập khẩu, lắp đặt và vận hành) của dự án đầu tư sử dụng vốn khác. | Bộ KH&CN | Nội dung này đã được quy định trong Luật Chuyển giao công nghệ. Do đó, Luật Đầu tư không quy định lại để tránh trùng lặp. |
|  |  | **Phụ lục 4** | Bãi bỏ ngành “sản xuất mũ bảo hiểm cho người đi môtô, xe máy” | Bộ KH&CN | Tiếp thu ý kiến |
|  |  | Đề nghị sửa ngành “ hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô” thành “ hoạt động ~~kinh doanh~~ của các ngân hàng thương mại, TCTD phi ngân hàng, ngân hàng hợp tác xã, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô”  *Lý do:*  *-*  Luật các tổ chức tín dụng chỉ quy định về *hoạt động của ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, TCTD là hợp tác xã, tổ chức tài chính vi mô, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*  *-* Ngân hàng thương mại có thể được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà các doanh nghiệp khác thực hiện mà không cần điều kiện đầu tư, kinh doanh như: cho thuê tủ, két, bảo quản tài sản, tư vấn tài chính... và các hoạt động khác liên quan đến hoạt động ngân hàng sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Theo đó, việc quy định tất cả các hoạt động kinh doanh của TCTD đều là ngành nghề kinh doanh có điều kiện là không phù hợp | NHNN | Tiếp thu ý kiến |
|  |  | Đề nghị tiếp tục giữ lại các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện sau:  - *Kinh doanh dịch vụ phát hành và phổ biến phim;*  *- Kinh doanh dịch vụ lữ hành;*  *- Kinh doanh dịch vụ biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, tổ chức thi người đẹp, người mẫu;*  *- Kinh doanh dịch vụ giới thiệu quảng cáo đến công chúng.*  Lý do:  Cơ chế hậu kiểm cũng như lực lượng thực thi công vụ tại cơ quan Trung ương và địa phương cho việc kiểm tra, thanh tra, hậu kiểm đối với các ngành nghề trên còn hạn chế, thiếu về nhân lực trong khi phải thực hiện khối lượng công việc lớn trên địa bàn rộng và có nhiều địa bàn phức tạp, nhạy cảm. Trong khi các ngành nghề này là một chuỗi các quá trình, đều tác động đến con người, đạo đức xã hội, tuyên truyền phổ biến và sử dụng văn hóa, du lịch cùng các công cụ phát hành thông tin từ đơn giản đến hiện đại, là cách truyền bá nhanh nhất, đơn giản và tiết kiệm chi phí nhất để tuyên truyền, khai thác một cách có chủ đích của các chủ thể kinh doanh.  Do vậy, tại thời điểm hiện tại khi chưa có đánh giá tác động cụ thể nếu dỡ bỏ hoàn toàn điều kiện kinh doanh, về lợi ích nhận được và chi phí, hậu quả xã hội xảy ra (nếu có) so với chính sách hiện hành, cũng như trong khi chưa chuẩn bị được đầy đủ về cơ chế chính sách, hệ thống thực thi pháp luật, nhân lực cho việc đảm bảo quản lý được hiệu quả. | VHTTDL | Tiếp thu ý kiến |
|  |  |  | Bãi bỏ ngành “Kinh doanh dịch vụ sản xuất phim”  Lý do: ngành nghề này đã có Luật Điện ảnh và Nghị định hướng dẫn hiện hành quy định các biện pháp quản lý khá chặt chẽ để thực thi pháp luật | VHTTDL | Tiếp thu ý kiến |
|  |  |  | Bổ sung ngành nghề “*tư vấn lập quy hoạch lâm nghiệp*” để phù hợp với Luật Lâm nghiệp vừa được Quốc hội thông qua ngày 15/11/2017 | Bộ NNPTNT | Tiếp thu ý kiến |
|  |  |  | Bổ sung ngành nghề “*đăng kiểm tàu cá*” để phù hợp với Luật Thủy sản dự kiến được Quốc hội thông qua vào ngày 21/11/2017 | BNPTNT | Tiếp thu ý kiến |
| 2 | **Luật Doanh nghiệp** | | | |  |
|  |  | Khoản 16 Điều 4 | Làm rõ khái niệm “kinh doanh” tại Luật doanh nghiệp.  Lý do: trong quá trình triển khai, một vướng mắc phát sinh liên quan đến việc đánh giá tính “liên tục” của hành vi để xác định tính chất kinh doanh hay giao dịch dân sự thông thường. | NHNN | Tiếp thu ý kiến, sửa đổi khái niệm này và chuyển sang quy định tại Luật Đầu tư. |
|  |  | Khoản 3 Điều 7 | Sửa theo hướng doanh nghiệp có quyền “*Lựa chọn hình thức, phương thức huy động, phân bổ và sử dụng vốn* ***không trái với các quy định của pháp luật****.*”  Việc bổ sung nội dung ràng buộc quyền huy động, sử dụng vốn của doanh nghiệp ***không trái với các quy định của pháp luật***là cần thiết, một mặt tạo cơ sở pháp lý cho NHNN triển khai chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về việc giám sát mức vay nước ngoài của doanh nghiệp và duy trì các chỉ tiêu an toàn nợ nước ngoài của quốc gia đã được Quốc hội phê duyệt; mặt khác góp phần tạo khung pháp lý đảm bảo doanh nghiệp sử dụng các kênh huy động vốn hợp pháp (tránh các trường hợp sử dụng các nguồn vốn không hợp pháp như vay nặng lãi, sử dụng bitcoin,…) | NHNN | Tiếp tục trao đổi cụ thể trong quá trình soạn thảo, hoàn thiện Dự án Luật. |
|  |  | Khoản 2 Điều 35 | Bổ sung vào Khoản 2 Điều 35 nội dung:  “*Các kết quả nghiên cứu từ việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước được sử dụng để góp vốn thành lập doanh nghiệp khi cá nhân, tổ chức có quyền sử dụng các kết quả đó*”. | Bộ KH&CN | Không tiếp thu vì nội dung đề xuất không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp. |
|  |  | Khoản 3 Điều 36 | Đề nghị sửa như sau: “*Việc thanh toán hoạt động mua, bán, chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp và nhận cổ tức của nhà đầu tư nước ngoài được thực hiện* ***theo quy định của pháp luật về quản lý ngoại hối****, trừ trường hợp thanh toán bằng tài sản”.*  Lý do: theo quy định về quản lý ngoại hối, không phải việc thanh toán mọi hoạt động mua, bán, chuyển nhượng cổ phần và phần vốn góp và nhận cổ tức của nhà đầu tư nước ngoài đều bắt buộc thực hiện thông qua tài khoản vốn (như việc thanh toán chuyển nhượng vốn đầu tư giữa 2 người cư trú, giữa 2 người không cư trú không bắt buộc thực hiện thông qua tài khoản vốn). | NHNN | Tiếp thu ý kiến |
|  |  | Khoản 2 Điều 90 | Bãi bỏ quy định “Thành viên Hội đồng thành viên làm việc theo chế độ chuyên trách”.  *Lý do:*  Thành viên Hội đồng thành viên kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc sẽ tạo sự gắn kết giữa việc ban hành chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển của doanh nghiệp với việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo quyết định của Hội đồng thành viên mang tính thực tiễn cao. Đặc biệt là đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn thì thành viên Hội đồng thành viên và Tổng giám đốc đều là người được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cử ra để quản lý, điều hành doanh nghiệp. | Bộ TTTT | Tiếp thu ý kiến |
|  |  | Khoản 2 Điều 48, Khoản 2 Điều 74 và Khoản 1 Điều 112 | Thay đổi thời gian góp vốn điều lệ; quy định vốn tối thiểu ban đầu so với vốn điều lệ; lộ trình góp vốn điều lệ đã đăng ký phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan (Luật Đất đai, Luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, …) | Bộ Quốc phòng | Tiếp thu ý kiến |
|  |  |  | Đề nghị cho phép chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân được quyền lựa chọn chuyển đổi hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân thành cá nhân kinh doanh hoặc các loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp nhân (công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, công ty cổ phần…).  Lý do: Theo quy định tại Điều 1, 3, 4 Bộ luật dân sự 2015, chủ thể của quan hệ dân sự chỉ bao gồm cá nhân, pháp nhân. Trên cơ sở đó, Điều 101 Bộ luật dân sự 2015 quy định về cách xác định chủ thể của quan hệ dân sự trong trường hợp các tổ chức không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ dân sự. Theo đó, về nguyên tắc, các tổ chức không có tư cách pháp nhân không thể tự mình tham gia quan hệ dân sự. Việc tham gia quan hệ dân sự của các chủ thể không có tư cách pháp nhân này sẽ dẫn tới giao dịch dân sự vô hiệu theo quy định tại Điều 122 Bộ luật dân sự 2015, do đó, dẫn đến tiềm ẩn rủi ro lớn cho các bên tham gia vào giao dịch với các đối tượng này. | NHNN | - Việc hỗ trợ chuyển đổi hộ kinh doanh thành doanh nghiệp đã được quy định tại Điều 16 Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.  - Chủ thể của quan hệ dân sự giải quyết tại Bộ luật Dân sự, không điều chỉnh tại Luật Đầu tư, Luật Doanh nghiệp. |